

Bản án số: 71 /2021/HS-ST

Ngày 26 /11 /2021.

V/v: NVT cùng đồng bọn trộm cắp tài  
sản, tiêu thụ tài sản...

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TO,  
THÀNH PHỐ HN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông NGUYỄN TIẾN HÙNG.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông LÊ HUY TRỌNG, Cán bộ nghỉ hưu xã TH, huyện TO, thành phố HN.

Bà NGUYỄN THỊ NGUYỆT, Cán bộ nghỉ hưu xã Cao Viên, huyện TO,  
thành phố HN.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông ĐỖ VĂN THƯỜNG, Thư ký Tòa án nhân dân  
huyện TO, thành phố HN.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TO tham gia phiên tòa:**

Ông LÊ ĐỨC ÁNH, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TO, thành  
phố HN. Tòa án nhân dân huyện TO xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số:  
65/2021/HSST ngày 04 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:  
68/2021/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 10 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **KGP**, tên gọi khác: Không, Giới tính: Nam. Sinh năm 1997. Nơi  
đăng ký HKTT và nơi ở: Thôn BX, Xã TH, huyện TO, HN. Quốc tịch: Việt Nam; Dân  
tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 7/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do.  
Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không. Họ tên bố: KVA,  
sinh năm 1977, Họ tên mẹ: VTT, sinh năm 1975. Gia đình có 02 anh em ruột, bị cáo là  
lớn nhất. Vợ: BLN, sinh năm 2002. Con: Chưa có. Tiền sự: Không có

Tiền án: Có 02 tiền án

+ Tại Bản án số 04/2017/HSST ngày 13/01/2017 của TAND huyện TO xử phạt  
KGP 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “*Bắt giữ  
người trái pháp luật*” theo khoản 1 Điều 123 BLHS.

+ Tại bản án số 01/2018/HSST ngày 24/01/2018 của TAND huyện TO xử phạt  
15 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo khoản 1 Điều 173 BLHS. Tổng hợp hình  
phạt 09 tháng tù tại bản án số 04/2017/HSST ngày 13/01/2017 của TAND huyện TO,  
buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 24 tháng tù. Ngày 13/7/2019 KGP chấp hành

xong hình phạt tù (Chưa được xóa án).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/7/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2, công an HN.

2.Họ và tên: **NVT**, tên gọi khác: Không, Giới tính: Nam. Sinh năm 1983. Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Thôn LD, Xã TH, huyện TO, HN. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không, Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do, Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không. Họ tên bố: NVH, sinh năm 1953, Họ tên mẹ: LTC, sinh năm 1958. Gia đình có 03 anh, chị em, bị cáo là thứ 2. Vợ: TTNA, sinh năm 1995. Con: Chưa có. Tiền sự: Không có

Tiền án: Tại bản án số 36/2019/HSST ngày 10/7/2019 của TAND huyện TO xử phạt NVT 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1, Điều 173 BLHS. Chấp hành xong án phạt tù ngày 27/9/2019 (chưa được xóa án).

Nhân thân:

+ Tại bản án số 31/2001/HSST ngày 20/9/2001 của Toà án nhân dân huyện TO xử phạt cảnh cáo về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 (đã được xóa án).

+ Tại bản án số 142/2007/HSST ngày 10/12/2007 của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là HN) xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999 (đã được xóa án).

+ Tại bản án số 200/2011/HSST ngày 26/8/2011 của Toà án nhân dân quận Ba Đình, HN xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 (đã được xóa án).

+ Tại bản án số 07/2013/HSST ngày 23/01/2013 của Toà án nhân dân huyện TO xử phạt 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999 (đã được xóa án).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/7/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 02 Công an thành phố HN.

3.Họ và tên **NĐT**, tên gọi khác: Không, Giới tính: Nam. Sinh năm 1996. Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Thôn LD, Xã TH, huyện TO, HN. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không. Họ tên bố: NVM, sinh năm 1971. Họ tên mẹ: NTM(đã chết). Gia đình có 02 anh em, bị cáo là lớn nhất. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không có

Nhân thân: Tại bản án số 1035/2014/HSPT ngày 29/12/2014 của Toà án nhân dân thành phố HN xử phạt 05 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 BLHS năm 1999, chấp hành xong ngày 18/03/2019 (đã được xóa án).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/7/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 02 Công an thành phố HN.

Tại phiên tòa các bị cáo có mặt.

Người bị hại: Bà **NTM**, sinh năm 1970 và ông **LTT**, sinh 1962  
Địa chỉ: Thôn ĐT, xã MH, huyện TO, Tp.HN. vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 45 ngày 28/6/2021 NVT, sinh năm 1983 ở thôn LD, xã TH, TO đến nhà NĐT, sinh năm 1996 ở cùng thôn rủ Trọng đi trộm cắp xe máy, trước khi đi T mang theo 01 chiếc Vam phá khoá xe máy, sau đó T và T đi xe ôm đến khu vực cánh đồng thôn ĐT, xã MH, TO thì phát hiện có 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave biển số 30M9-4813 của bà NTM, sinh năm 1970 ở thôn ĐT, xã MH, TO để cạnh bờ nương còn bà M cấy lúa cách đó 30 mét. Sau khi quan sát thấy không có người qua lại và lợi dụng lúc bà M đang cấy lúa không để ý nên T và T xuống xe trả tiền xe ôm rồi T đi đến chỗ chiếc xe máy dùng vam phá khoá mang theo để phá ổ khoá điện của chiếc xe máy trên còn T đứng canh giới. Khi T phá được khoá điện thì T điều khiển xe máy chở T ngồi phía sau đi về nhà T để cất giấu, sau đó T tháo gương và biển số xe vớt xuống khu vực cầu sông HB thuộc xã TH, TO, còn T vớt đầu chiếc vam phá khoá ở ven đường thuộc khu vực thôn ĐG, xã ĐĐ, TO. Khoảng 20 giờ 30 ngày 28/6/2021 T và T bán chiếc xe máy trộm cắp được cho KGP, sinh năm 1997 ở thôn BX, TH, TO được 4.000.000 đồng, số tiền trên T và T chia nhau mỗi người 2.000.000 đồng để tiêu sài cá nhân hết. Trước khi bán xe, T gọi điện và nhắn tin cho P nói là có chiếc xe máy không có giấy tờ mới “nhảy” được (trộm cắp được) muốn bán, P biết rõ là xe máy do T trộm cắp được nhưng vẫn đồng ý mua, sau khi mua được xe P tháo yếm vớt ở bãi rác thôn GV, xã TT, TO rồi mang xe về nhà cất, hôm sau P nhờ LMH, sinh năm 2001 ở thôn GV, xã TT, TO mang đi dán giấy bóng đôi màu để làm phương tiện đi lại.

Ngày 09/7/2021 NVT và NĐT đến Công an huyện TO đầu thú và ngày 10/7/2021 KGP đến Công an huyện TO đầu thú và giao nộp chiếc xe máy trên cho Cơ quan điều tra.

Tại kết luận định giá tài sản số 56 ngày 15/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện TO kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave biển số 30M9-4813 do NVT và NĐT lấy trộm trị giá 8.000.000 đồng.

Tại cáo trạng số: 62/CT-VKS ngày 30/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TO, Tp.HN truy tố bị cáo NVT, NĐT về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Truy tố KGP về tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, theo quy định tại điểm đ khoản 2 điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên giữ quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173 điểm s khoản 1,2 Điều 51, điểm h khoản 1 điều 52, điều 38, điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị xử phạt: NVT mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 10/7/2021.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173 điểm s khoản 1,2 Điều 51, điều 38, điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị xử phạt: NĐT mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 10/7/2021.

+ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị xử phạt: KGP mức án từ 36 tháng đến 42 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 10/7/2021.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về Trách nhiệm dân sự: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đen không đeo biển kiểm soát do KGP giao nộp (ngày 14/9/2021 Cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu là anh LTT và bà NTM).

Đối với LMH là người chở KGP đến nhà T để mua xe máy và được P nhờ mang chiếc xe máy trên đi dán ni lông đổi màu nhưng không biết là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Về vật chứng của vụ án:

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu xanh không đeo biển kiểm soát tạm giữ của NVT (do chiếc xe này là vật chứng trong vụ án trộm cắp tài sản xảy ra ngày 02/7/2021 tại thôn NÁ, xã ĐÁ, TT nên Cơ quan điều tra chuyển cho Cơ quan điều tra Công an huyện TT để giải quyết theo thẩm quyền).

- 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6s, số thuê bao 0862663396 tạm giữ của NĐT cần sung quỹ nhà nước.

- 01 tay công Van phá khoá, 01 đầu nối Van phá, 01 đầu Van phá khoá thu giữ tại khu vực ven đường thuộc thôn ĐG, xã ĐĐ, TO tạm giữ của NVT cần tiêu hủy.

Đối với chiếc biển số xe máy, gương và yếm của xe các bị cáo khai đã vứt đi, Cơ quan điều tra truy tìm nhưng không thu giữ được.

Về số tiền 4.000.000 đồng do bán xe máy trộm cắp, các bị cáo Thanh và Trọng chia nhau mỗi người được 2.000.000 đồng, do các bị cáo đã tiêu sài hết nên không thu giữ được, buộc các bị cáo phải nộp lại

Về án phí: các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng*: Cơ quan điều tra Công an huyện TO và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TO và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2]. *Về nội dung*: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của nhau, lời khai người bị hại, tang vật thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 28/6/2021 NVT và NĐT rủ nhau đi trộm cắp tài sản, khi đi đến khu vực cánh đồng thôn ĐT xã MH, TO thì phát hiện chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave biển số 30M9-4813 của người đang cấy lúa không để ý, T đã dùng van phá khoá mang

theo để phá ổ khoá điện chiếc xe máy có trị giá 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) sau đó NĐT điều khiển chở T mang xe về nhà T cất giấu. Đến khoảng 20 giờ 30 cùng ngày T và T bán chiếc xe trên cho KGP được 4.000.000 đồng, số tiền trên các bị cáo chia nhau tiêu sài hết.

Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TO, Tp.HN truy tố bị cáo NVT, NĐT về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. truy tố bị cáo KGP về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự.

là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

**Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.**

Tội phạm và hình phạt được quy định như sau:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.*

**Điều 323. Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có**

*“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:*

...

*đ) Tái phạm nguy hiểm”.*

Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án có tính nguy hiểm cho xã hội bởi hành vi Trộm cắp tài sản, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm đến an ninh, trật tự địa phương, khu vực dân cư, lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của người khác các bị cáo đã thực hiện việc trộm cắp tài sản, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 8.000.000 đồng để tiêu sài cá nhân, đồng thời tiêu thụ tài sản trộm cắp được nhằm che dấu hành vi phạm tội nên đây cũng là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, bản thân các bị cáo đều có nhân thân xấu đã nhiều lần thực hiện việc trộm cắp tài sản đã bị xử lý nhưng không lấy đó làm bài học để sửa chữa, rèn luyện, vì vậy cần phải có một mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo và cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án này HĐXX nhận thấy: Đối với NVT và NĐT có vai trò đồng phạm trong việc trộm cắp tài sản, đối với T là người chuẩn bị vạm phá khóa, trực tiếp thực hiện, còn T cảnh giới và là người liên hệ bán xe cho P nên về vai trò của T và T là ngang nhau trong vụ án này.

Đối với KGP bản thân đang chấp hành việc tổng hợp hình phạt của hai bản án về các tội Bắt giữ người trái pháp luật và Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, sau khi được T, T bán chiếc xe trộm cắp cho bị cáo, bị cáo biết rõ đó là tài sản do các bị cáo này trộm cắp được nhưng vì háms lợi, nhận mua tiêu thụ tài sản trộm cắp nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định điểm đ khoản 2 điều 323 Bộ Luật hình sự 2015.

**[3]. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

**3.1 Tình tiết tăng nặng:**

Đối với NVT lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

**3.2 Về tình tiết giảm nhẹ:** Tại phiên tòa các bị cáo T, P, T khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tài sản thu hồi trả cho người bị hại, sau khi phạm tội đã đầu thú khai báo về hành vi phạm tội của bản thân nên cũng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đối với bị cáo Trần phạm này thuộc trường hợp tái phạm nên mức hình phạt phải cao hơn T, tuy nhiên bị cáo có bà nội được phong tặng Bà mẹ Việt Nam Anh Hùng bởi có hai bác ruột là liệt sỹ, bản thân được chuẩn đoán đứt dây trắng khớp gối chờ phẫu thuật nên giảm nhẹ hình phạt dưới mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cho bị cáo T theo quy định tại điểm s khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là phù hợp, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

**[4]. Về hình phạt bổ sung:** Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

**[5]. Về trách nhiệm dân sự:** 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đen không đeo biển kiểm soát do KGP giao nộp, ngày 14/9/2021 Cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu là anh LTT và chị NTM, người bị hại không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Về chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu xanh không đeo biển kiểm soát tạm giữ của NVT (do chiếc xe này là vật chứng trong vụ án trộm cắp tài sản xảy ra ngày 02/7/2021 tại thôn NÁ, xã ĐÁ, TT nên Cơ quan điều tra chuyển cho Cơ quan điều tra Công an huyện TT để giải quyết theo thẩm quyền nên không giải quyết trong vụ án này.

- 01 chiếc điện thoại di động tạm giữ của NĐT dùng để liên hệ bán xe cho Phong cần tịch thu sung công.

- 01 tay công Van phá khoá tạm giữ của NVT; 01 đầu nối Van phá khoá ; 01 đầu Van phá khoá thu giữ tại khu vực ven đường thuộc thôn ĐG, xã ĐĐ, TO tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc biển số xe máy, gương và yếm của xe trộm cắp các bị cáo khai đã vứt đi, Cơ quan điều tra truy tìm nhưng không thu giữ được, người bị hại không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Về số tiền 4.000.000 đồng do bán xe máy trộm cắp mà có, các bị cáo T và T chia nhau mỗi người được 2.000.000 đồng buộc các bị cáo phải nộp lại sung quỹ

Đối với LMH là người chở KGP đến nhà T để mua xe máy và được P nhờ mang chiếc xe máy trên đi dán ni lông đổi màu nhưng không biết là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

**[6]. Về án phí:** Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 thì các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm.

**[7]. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên.**

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo NVT, NĐT, phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Tuyên bố bị cáo **KGP**, phạm tội: “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

## **2. Về điều khoản áp dụng và hình phạt:**

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1,2 Điều 51, điểm h khoản 1 điều 52, điều 38, điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: **NVT: 12** (mười hai)tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 7 năm 2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1,2 Điều 51 điều 38, điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: **NĐT: 12** (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 7 năm 2021.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1,2 Điều 51, điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: **KGP: 36** (ba mươi sáu)tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 7 năm 2021.

**Về xử lý vật chứng của vụ án:** Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015; Điểm a khoản 2,3 Điều 106 BLTTHS năm 2015.

- 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6s, số thuê bao 0862663396 tạm giữ của NĐT tịch thu sung công.

- 01 tay công Van phá khoá tạm giữ của NVT; 01 đầu nối Van phá khoá ; 01 đầu Van phá khoá thu giữ tại khu vực ven đường thuộc thôn ĐG, xã ĐĐ, TO tịch thu tiêu hủy. Toàn bộ vật chứng được thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/10/2021 giữa Công an huyện TO và chi cục Thi hành án dân sự huyện TO.

Buộc các bị cáo NVT và NĐT phải nộp lại số tiền 4.000.000đồng(bốn triệu), trong đó T, T mỗi bị cáo phải nộp lại: 2.000.000 (hai triệu) đồng thu lời bất chính để sung quỹ nhà nước.

**3. Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội hướng dẫn về án phí, lệ phí tòa án:

Buộc bị cáo NVT và NĐT, KGP mỗi bị cáo phải nộp: 200.000(Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

### **Nơi nhân :**

- TAND TP HN ;
- VKSND huyện TO;
- CA huyện TO;
- Chi cục THADS huyện TO;
- UBND X. TH;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**NGUYỄN TIẾN HÙNG**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tiến Hùng**